

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 01 - 2023

V/v ly hôn giữa chị L và anh N

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái; Bà Hoàng Thị Thu Hường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị L, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Xóm 6 (L), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh N; Chị L vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Đoàn Thị L trình bày:*

Chị và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 24 tháng 01 năm 2014. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, anh N không chịu làm ăn nuôi con còn đánh bài làm tổn thất về tài chính gia đình, chị đã khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã nhau. Tháng 10/2021 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2015; Hoàng Bảo K, sinh ngày 25 tháng 09 năm 2016; Hoàng Minh Q, sinh ngày 19 tháng 03 năm 2019, hiện cả 03 con đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 03 con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu không được nuôi cả 03 con chung thì chị yêu cầu được nuôi 02 cháu nhỏ và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Hoàng Văn N trình bày:*

Anh và chị Đoàn Thị L đăng ký kết hôn vào tháng 01 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, anh có đánh bài chơi vui giải trí, chị L có khuyên bảo anh nhưng anh chưa thực hiện được. Nay chị L đề nghị xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng cũng đã mâu thuẫn và sống ly thân cách đây khoảng 03 năm, nhưng do con còn nhỏ và là người công giáo nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Đúng như chị L đã trình bày ở trên, nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, khoản nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn, bị đơn; Từ khi thụ lý vụ án, chị L, anh N thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX; chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị L, xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Hoàng Văn N;

- Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng cũng như đề nghị của chị L, anh N. Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2015 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hoàng Bảo K, sinh ngày 25 tháng 09 năm 2016; Hoàng Minh Q, sinh ngày 19 tháng 03 năm 2019 cho chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị L, anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị L là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau vào tháng 01 năm 2014, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn; do kinh tế khó khăn. Chị L cho rằng: Anh N không tu chí làm ăn để nuôi con còn chơi đánh bài làm tổn thất về kinh tế gia đình. Anh N lại cho rằng; Anh có đánh bài chơi vui giải trí, chị L có khuyên bảo anh nhưng anh chưa thực hiện được, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 3 năm nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N. Anh N không nhất trí ly hôn với lý do con còn nhỏ anh lại là người công giáo.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị L và anh Hoàng Văn N đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị L là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa chị L, anh N đều vắng mặt nhưng có lời khai và quan điểm về con chung. HĐXX xét thấy; nên giao chị L có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Bảo K, sinh ngày 25 tháng 09 năm 2016 và Hoàng Minh Q, sinh ngày 19 tháng 03 năm 2019, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con. Giao anh N có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Hoàng Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2015.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị L và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Hoàng Văn N.

2. Con chung: Giao chị Đoàn Thị L có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Bảo K, sinh ngày 25 tháng 09 năm 2016 và Hoàng Minh Q, sinh ngày 19 tháng 03 năm 2019. Giao anh Hoàng Văn N có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Hoàng Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu tiền cấp dưỡng tiền nuôi con. (Hiện tại cả 03 con chung đang ở cùng chị L).

Chị Đoàn Thị L và anh Hoàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Đoàn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002113 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh. Chị Đoàn Thị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đoàn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Kim Thu**